

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/DS-ST
Ngày: 31/12/2020
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Minh Nhì

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý, kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2020/TLST - DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2020/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1973. (Có mặt)

* Bị đơn: Ông Phan Văn G, sinh năm 1982 và bà Trần Thị Cẩm Gi, sinh năm 1991 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp Th H, xã Đ H B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày và yêu cầu như sau: Trước đây, vợ chồng ông Phan Văn G và bà Trần Thị Cẩm Gi có hỏi vay tiền và vàng của ông M nhiều lần, sau nhiều lần vay rồi trả thì đến ngày 21/3/2019, vợ chồng ông G, bà Gi tiếp tục vay của ông M 02 chỉ vàng 24kr (SJC), hai bên có thỏa thuận trả lãi hàng tháng và không có làm biên nhận nợ.

Sau khi vay vàng và đến thời gian trả tiền lãi, ông M có qua gặp vợ chồng ông G, bà Gi để lấy tiền lãi thì ông G, bà Gi không trả mà còn thách thức ông M đi kiện.

Do đó, ông M khởi kiện yêu cầu ông G, bà Gi trả cho ông 02 chỉ vàng 24kr (SJC) và 750.000 đồng tiền lãi.

** Trong quá trình giải quyết, bị đơn ông Phan Văn G và bà Trần Thị Cẩm Gi trình bày và yêu cầu như sau:* Ông bà thừa nhận vào năm 2019, ông bà có vay của ông M 04 chỉ vàng 24kr (9999), lãi suất là 600.000đồng/tháng/04 chỉ. Sau đó, ông bà trả được cho ông M 02 chỉ vàng gốc, còn nợ lại ông M 02 chỉ đến nay chưa trả được cho ông M là đúng. Trong quá trình vay, vợ chồng ông bà trả lãi đầy đủ cho ông M, nhưng từ tháng 8/2020 ông bà không đóng lãi nữa.

Nay, vợ chồng ông bà đồng ý trả cho ông M 02 chỉ vàng 24kr (9999) vào cuối tháng 02/2021 và xin ông M cho toàn bộ phần tiền lãi còn nợ. Đối với phần tiền lãi trước đây đã đóng cho ông M thì ông bà không yêu cầu gì.

Tại phiên tòa:

- Ông M: Yêu cầu vợ chồng ông G, bà Gi phải trả 01 lần số vàng gốc còn nợ là 02 chỉ vàng 24kr (SJC). Xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi đối với ông G, bà Gi.

- Ông G và bà Gi: Vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận 01 phần yêu cầu của ông M, buộc ông G và bà Gi trả cho ông M 02 chỉ vàng 24kr (SJC), đình chỉ 01 phần yêu cầu về lãi suất của ông M do rút đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*gọi tắt là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M về việc buộc bị đơn ông Phan Văn G, bà Trần Thị Cẩm Gi (*có chỗ ở hiện nay tại ấp Th H, xã Đ H B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang*) trả cho ông M số vàng vay còn nợ là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến các đương sự để tham gia phiên tòa nhưng ông G, bà Gi có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn

cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông G, bà Gi.

[2] *Về nội dung trong vụ án:* Vào năm 2019, ông G và bà Gi có vay của ông M 02 chỉ vàng 24kr (loại SJC) và có thỏa thuận tiền lãi là 600.000 đồng/tháng/04 chỉ nhưng hai bên không có làm biên nhận nợ. Trong quá trình vay, ông G và bà Gi không trả tiền lãi như thỏa thuận nên ông M khởi kiện yêu cầu ông G, bà Gi trả cho ông 01 lần số vàng vay còn nợ.

2.1 Xét yêu cầu của ông M về việc yêu cầu ông G và bà Gi trả cho ông số vàng vay gốc còn nợ. HĐXX xét thấy, trong quá trình giải quyết, các lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà nguyên đơn cung cấp cho thấy, yêu cầu này của ông M được ông G và bà Gi xác nhận hiện nay ông bà còn nợ và đồng ý trả cho ông M 02 chỉ vàng 24kr (SJC). Do đó, ông M không phải chứng minh cho yêu cầu của mình.

2.2 Xét lời khai nại của ông G và bà Gi cho rằng do hoàn cảnh khó khăn nên ông bà xin trả cho ông M vào cuối tháng 02/2021 và xin phần tiền lãi. HĐXX xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ông G và bà Gi xác nhận ông bà vẫn còn nợ vàng của ông M nhưng đến nay ông bà chưa trả được là ông bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ông M được quy định tại Điều 466 BLDS năm 2015 và cũng như tại phiên tòa ông M không đồng ý cho ông G, bà Gi trả vào cuối tháng 02/2021 nên đối với yêu cầu này của ông bà là không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

2.3 Về phần lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M có yêu cầu ông G, bà Gi phải trả cho ông M 750.000 đồng tiền lãi nhưng tại phiên tòa, ông M xin rút lại yêu cầu này. HĐXX xét thấy, việc ông M rút yêu cầu về phần tiền lãi là tự nguyện không ai ép buộc và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Từ những cơ sở nêu trên, HĐXX chấp nhận 01 phần yêu cầu của ông M và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Buộc vợ chồng ông G và bà Gi có nghĩa vụ trả cho ông M 02 chỉ vàng 24kr (SJC) khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

- Ông G và bà Gi phải chịu án phí trên số vàng phải trả cho ông M [(02 chỉ vàng 24kr SJC x 5.500.000) x 5%] là 550.000 đồng.

- Do yêu cầu của ông M được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông M theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc ông Phan Văn G và bà Trần Thị Cẩm Gi trả cho ông Nguyễn Văn M 02 (Hai) chỉ vàng 24kr (*loại SJC hoặc loại vàng tương đương*).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông M về việc yêu cầu ông G, bà Gi trả tiền lãi 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Phan Văn G và bà Trần Thị Cẩm Gi phải chịu án phí số tiền là 550.000 đồng (*Năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn M số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0005971 ngày 17/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*Ngày 31/12/2020*).

Riêng ông Phan Văn G và bà Trần Thị Cẩm Gi vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh